

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao
giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 35/TTr-VPĐPNTM ngày 29/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, chia ra các khu vực:

1. Khu vực 1: Gồm các xã đặc biệt khó khăn (*xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*), xã an toàn khu thuộc các huyện nghèo (*gồm các xã Trà Giáp, Trà Giác, Trà Tân và Trà Đốc - huyện Bắc Trà My và xã Tư, huyện Đông Giang*).

2. Khu vực 2: Gồm các xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới (NTM) nâng cao là căn cứ để rà soát, đánh giá thực trạng, mức độ đạt các chỉ tiêu, tiêu chí và xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch thực hiện hằng năm, trung hạn 5 năm trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 (*Chương trình NTM*); là cơ sở để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao và xét khen thưởng trong phong trào thi đua “Quảng Nam chung sức xây dựng NTM” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể việc đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao, giai đoạn 2022-2025 cho phù hợp với điều kiện từng vùng; tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương rà soát thực trạng theo Bộ tiêu chí NTM nâng cao để xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số về tiêu chí NTM phục vụ công tác chuyển đổi số trong quản lý, điều hành Chương trình NTM. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

2. Các Sở, Ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao và nhiệm vụ được UBND tỉnh giao phụ trách các tiêu chí NTM (tại Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh) có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định này. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn lực tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh bổ sung cho Chương trình NTM để hỗ trợ các xã NTM nâng cao theo lộ trình.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các chỉ tiêu, tiêu chí xã NTM nâng cao theo quy định tại Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Phòng, ban, đơn vị có liên quan và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện tốt Bộ tiêu chí quy định tại Quyết định này trên địa bàn; chỉ đạo tổ chức đánh giá, thẩm tra, đề nghị UBND tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã có triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT, VPĐP NTM TW;
- TTTU, HĐND, UBND TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy/Thị ủy/Thành ủy;
- HĐND các huyện/thị xã/thành phố;
- CPVP;
- Luru VT, NCKS, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\ntm\Nam 2022\09 06 ban hanh Bo tieu chi xa ntm nang cao giai doan 2022-2025.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Tuấn

Phụ lục
BỘ TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIAI ĐOẠN 2022-2025 THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là xã đạt đủ các nội dung sau:

1. Đạt chuẩn nông thôn mới (hoặc duy trì, nâng chuẩn đối với các xã đã đạt chuẩn NTM từ năm 2021 trở về trước) theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tại Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh.

2. Có ít nhất 02 thôn được UBND cấp huyện công nhận đạt chuẩn Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu trong giai đoạn 2022-2025 theo quy định tại Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh (đối với xã đã có thôn được UBND cấp huyện công nhận đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu/thôn NTM trong giai đoạn 2016-2021 thì phải đảm bảo duy trì nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025).

3. Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trái quy định, không có khả năng thanh toán.

4. Đạt thêm các tiêu chí sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Có quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch xây dựng quy định tại chỉ tiêu 1.1 nêu trên và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng khác trên địa bàn xã phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	
		2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	Đạt đủ các chỉ tiêu: - 100% đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. - Đầu đường xã có biển chỉ dẫn và các	Đạt đủ các chỉ tiêu: - 100% đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. - Đầu đường xã có biển chỉ dẫn và các

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025		
			Khu vực 1	Khu vực 2	
2	Giao thông		điểm giao nhau của đường xã với đường thôn có biển báo giao thông: Đạt - Tỷ lệ đường xã có hệ thống điện chiếu sáng và có cây xanh, cây bóng mát (cây cách cây tối đa 10 m): $\geq 50\%$	điểm giao nhau của đường xã với đường thôn có biển báo giao thông: Đạt - Tỷ lệ đường xã có hệ thống điện chiếu sáng và có cây xanh, cây bóng mát (cây cách cây tối đa 10 m): $\geq 70\%$	
			Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có biển báo giao thông đầu các đường trục chính thôn (<i>biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...</i>). - Tỷ lệ đường thôn có hệ thống điện chiếu sáng và có cây xanh, cây bóng mát đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (cây cách cây tối đa 10 m): $\geq 50\%$.	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có biển báo giao thông đầu các đường trục chính thôn (<i>biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...</i>). - Tỷ lệ đường thôn có hệ thống điện chiếu sáng và có cây xanh, cây bóng mát đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (cây cách cây tối đa 10 m): $\geq 70\%$.
			2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 85\%$	$\geq 90\%$
			2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (hoặc đường vào khu sản xuất tập trung đối với xã miền núi) được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 55\%$	$\geq 75\%$
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 10\%$	$\geq 20\%$	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (công trình do xã	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
		quản lý)		
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	≥99%
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	100%
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Mức độ 3
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Mức độ 2
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	≥ 01 mô hình	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời (ít nhất 03 dụng cụ/điểm) ở điểm công cộng ⁽¹⁾ ; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn. - Có ít nhất 50% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời. - Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn. - Đối với các xã thuộc các huyện: Tiên Phước, Nông Sơn, Hiệp Đức (trừ xã ĐBK): Có 60% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; các xã

(¹) Điểm công cộng bao gồm: Nhà văn hóa xã, khu thể thao xã, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi (nếu điểm nằm vị trí riêng so với nhà văn hóa-khu thể thao xã, thôn), công viên (nếu có).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
			<p>hoạt động thường xuyên theo đúng quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho Nhân dân (hoạt động thư viện). 	<p>thuộc huyện/thị xã/thành phố còn lại: Có 70% các điểm cộng cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên theo đúng quy định. - Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho Nhân dân (hoạt động thư viện).
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	<p>Đạt đủ các chỉ tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn (nếu có) được bảo vệ, tu bổ, tôn tạo kịp thời và phát huy giá trị, gắn với phát triển du lịch ở địa phương. - Di sản văn hóa phi vật thể (nếu có) ở địa phương được kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo quy định. 	
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	<p>Đạt đủ các chỉ tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 70% thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa 03 năm liên tục trở lên (tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao). - Có 15% thôn văn hóa tiêu biểu 05 năm liên tục trở lên/tổng số thôn của xã được UBND cấp huyện tặng Giấy khen theo quy định; 10% Gia đình văn hóa tiêu biểu 03 năm liên tục trở lên/tổng số hộ gia đình văn hóa được UBND xã tặng Giấy khen Gia đình văn hóa trong các đợt sơ kết, tổng kết chuyên đề (hoặc lồng ghép sơ kết, tổng kết) ở địa phương. - Có ít nhất 50% số thôn được UBND cấp huyện phê duyệt phương án/kế hoạch xây dựng thôn NTM kiểu mẫu (hoặc phương án/kế hoạch duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu đối với thôn đã đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu/thôn NTM) và có tổ chức thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đề ra. 	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	<p>Đạt chuẩn khi đáp ứng một trong hai điều kiện sau:</p> <p>(i) Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của tiêu chí xã NTM và đồng thời có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng một phần theo hướng dẫn của Sở Công Thương hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.</p> <p>(ii) Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của tiêu chí xã NTM và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.</p> <p>Trường hợp xã không có chợ nông thôn hoặc có chợ nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét tiêu chí này.</p>	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Điểm phục vụ bưu chính tại xã có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Xã có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Ít nhất 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; ít nhất 80% đối với các xã còn lại.	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	<p>Đạt đủ các chỉ tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; ít nhất 90% thôn của xã khu vực miền núi có hệ thống loa hoạt động thường xuyên. - 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet. - Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm. 	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.	<p>Đạt đủ các chỉ tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt ít nhất 50%. - Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an 	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025		
			Khu vực 1	Khu vực 2	
			<p>toàn thông tin đạt: Ít nhất 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo và 100% đối với các xã còn lại.</p> <p>- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: Ít nhất 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; ít nhất 70% đối với các xã còn lại.</p> <p>- 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử.</p> <p>- 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ (<i>thực hiện đánh giá khi có hướng dẫn chi tiết của Bộ Thông tin và Truyền thông</i>).</p>		
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	<p>Đạt đủ các chỉ tiêu:</p> <p>- Có mạng Wifi miễn phí ở trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa xã, điểm du lịch cộng đồng (nếu có).</p> <p>- Ít nhất 50% nhà văn hóa thôn có kết nối mạng wifi miễn phí.</p>	<p>Đạt đủ các chỉ tiêu:</p> <p>- Có mạng Wifi miễn phí ở trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa xã, điểm du lịch cộng đồng (nếu có).</p> <p>- Ít nhất 70% nhà văn hóa thôn có kết nối mạng wifi miễn phí.</p>	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 80\%$	$\geq 85\%$	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/người/năm</i>)	Năm 2021	≥ 43	≥ 48
			Năm 2022	≥ 47	≥ 52
			Năm 2023	≥ 51	≥ 56
			Năm 2024	≥ 55	≥ 60
			Năm 2025	≥ 59	≥ 64
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	$< 8,0\%$	$< 3,0\%$	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	$\geq 80\%$	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$	$\geq 30\%$	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Nông nghiệp $\leq 50\%$	Nông nghiệp $\leq 30\%$	
			Công nghiệp, xây dựng $\geq 26\%$	Công nghiệp, xây dựng $\geq 37\%$	
		Thương mại, dịch vụ $\geq 24\%$	Thương mại, dịch vụ $\geq 33\%$		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	☉ 1	☉ 1
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP được công nhận 03 sao trở lên còn thời hạn và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh (có lãi trong năm đánh giá) hoặc có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của xã đáp ứng đủ các điều kiện sau: (i) Sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định. (ii) Có thương hiệu sản phẩm (được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý). (iii) Có bao bì, nhãn mác theo quy định. (iv) Có kênh phân phối ổn định và hiệu quả (tỷ trọng sản phẩm chủ lực được tiêu thụ qua kênh phân phối $\geq 30\%$ /năm) trong ít nhất 02 năm liên tục tính đến năm xét, công nhận xã NTM nâng cao.	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	☉ 1	☉ 1
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Có ít nhất 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã (hoặc sản phẩm nông nghiệp chủ lực mang tính chất đặc hữu hoặc sản phẩm OCOP) được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc theo quy định.	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	☉ 10%	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng ⁽²⁾	Có nông sản chủ lực (hoặc sản phẩm nông nghiệp chủ lực mang tính chất đặc hữu) của xã thuộc vùng nguyên liệu tập trung được cấp mã vùng.	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt (áp dụng đánh giá đối với xã có khu, điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận)	

(2) Chỉ tiêu 13.6 chỉ áp dụng đánh giá đối với xã có quy hoạch vùng nguyên liệu nông sản chủ lực nằm trong vùng, không gian phát triển sản xuất nông nghiệp (vùng sản xuất lớn, vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu) của quy hoạch vùng huyện (hoặc quy hoạch chung đối với thị xã, thành phố) hoặc xã có quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất tập trung nông sản chủ lực trong định hướng quy hoạch không gian sản xuất nông nghiệp của quy hoạch chung xây dựng xã.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả (đảm bảo ít nhất 02 tiêu chí trong các tiêu chí sau: (i) Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; (ii) tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; (iii) giữ gìn bản sắc văn hóa; (iv) không gây ô nhiễm môi trường).	
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	☉95%	☉95%
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	☉90%	☉90%
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	☉40%	☉40%
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	☉70%	☉70%
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có trang bị mạng máy tính nội bộ (LAN) và có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ⁽³⁾ quản lý chuyên ngành. - Có sử dụng phần mềm một cửa điện tử. - Hằng năm, ít nhất 70% văn bản phát hành bằng văn bản điện tử, có đầy đủ chữ ký số của UBND xã và chữ ký số của lãnh đạo UBND xã.	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Có trang bị mạng máy tính nội bộ (LAN) và có sử dụng ít nhất 04 phần mềm quản lý chuyên ngành. - Có sử dụng phần mềm một cửa điện tử. - Hằng năm, ít nhất 80% văn bản phát hành bằng văn bản điện tử, có đầy đủ chữ ký số của UBND xã và chữ ký số của lãnh đạo UBND xã.
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt

⁽³⁾ Các phần mềm chuyên ngành như: Kế toán; quản lý hộ nghèo; quản lý hộ tịch; quản lý đất đai; lao động; quản lý tiêu chí NTM....

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥1	≥1
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	≥90%
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	≥90%
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥80%	≥85%
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥25%	≥40%
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	≥50%
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	≥80%
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥75%	≥90%
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Có nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch; nghĩa trang có cắm mốc, phân lô, phóng tuyến để chôn cất đồng bộ theo quy hoạch; có quy chế quản lý, hồ sơ môi trường theo quy định.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
			Trường hợp xã có cơ sở hỏa táng thì cơ sở hỏa táng thực hiện theo đúng quy hoạch, công nghệ hỏa táng phù hợp với quy định hiện hành và có hồ sơ môi trường theo quy định.	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	≥5%
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /người	≥4m ² /người
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%	≥70%
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥40%	≥50%
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥50 lít	≥60 lít
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥25%	≥30%
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100%
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	không	không
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100% cơ sở có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm/cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥80%	≥95%
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt đủ các chỉ tiêu: - Số lượng người Ban Chỉ huy quân sự xã: Đủ theo quy định của pháp luật. Riêng xã ở địa bàn trọng điểm về quốc phòng số lượng Ban Chỉ huy quân sự xã đủ 05 đồng chí; 100% cán bộ thường trực Ban Chỉ huy đã	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025	
			Khu vực 1	Khu vực 2
			<p>qua đào tạo chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở; Chỉ huy trưởng là thành viên UBND, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hằng năm Đảng ủy xã có Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; Ban Chỉ huy quân sự xã có kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ và được Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phê duyệt. - Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; huấn luyện dự bị động viên, dân quân tự vệ. - Xây dựng (giữ vững) Chi bộ quân sự có chi ủy. Trong năm xét công nhận không có trường hợp chi ủy viên bị xử lý kỷ luật. - Tỷ lệ đảng viên trong dân quân nông cốt đạt 20% trở lên; 100% thôn đội trưởng là đảng viên. - Hằng năm, thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng do UBND cấp huyện giao đạt mức khá trở lên. - Hai (02) năm liền tính đến năm đánh giá xét công nhận đạt mức khá trở lên (từ 6,6 điểm) trong phong trào Thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang huyện. 	
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng ⁽⁴⁾ trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt

⁽⁴⁾ Nghiêm trọng: Bị cơ quan điều tra các cấp khởi tố bị can với khung hình phạt từ 03 năm tù giam trở lên.